

Số: /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ
lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn
trên địa bàn thành phố năm 2024

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 25/4/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính, thủ tục hành chính nội bộ trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 200/TTr-SNN ngày 06/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án đơn giản hoá thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn (Phương án cụ thể kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức triển khai thực hiện phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn thành phố năm 2024 theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Các Phòng: KSTTHC, NNTN&MT;
- Lưu: VT, KSTTHC5.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Khắc Nam

**PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HOÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC
NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

1. Thủ tục: Công bố dịch bệnh động vật thủy sản

1.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Nêu rõ quy trình thẩm định điều kiện công bố dịch (thành lập đoàn thẩm định, thẩm định thực tế tại địa phương hay chỉ thẩm định thành phần hồ sơ; nội dung thẩm định phải cụ thể hoá vào Biên bản).

Lý do:

- Công khai, minh bạch để cơ quan nhà nước dễ dàng thực hiện; đồng thời, phân định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết TTHC.
- Việc quy định rõ thời gian giải quyết sẽ tạo thuận lợi cho đối tượng thực hiện TTHC cũng như nâng cao trách nhiệm của cơ quan giải quyết TTHC.

b) Mẫu hoá “Văn bản đề nghị công bố hết dịch “Biên bản thẩm định”; mẫu hoá kết quả giải quyết TTHC; đồng thời quy định rõ số lượng hồ sơ phải nộp.

Lý do: Công khai, minh bạch; đảm bảo thống nhất các thông tin kê khai trên phạm vi cả nước; tiết kiệm thời gian tìm hiểu TTHC; tránh sự tùy tiện trong việc chuẩn bị hồ sơ và giải quyết TTHC.

c) Quy định cụ thể đa dạng cách thức thực hiện đảm bảo phù hợp với đối tượng thực hiện và cơ quan giải quyết

Lý do: Công khai, minh bạch; đối tượng thực hiện có thể lựa chọn hình thức phù hợp để thực hiện TTHC.

1.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung Điều 20 Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

- Lộ trình thực hiện: Theo kế hoạch xây dựng văn bản hằng năm của Bộ

2. Thủ tục: Quyết định đóng hoặc mở cửa rừng tự nhiên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

2.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Quy định cụ thể rõ một số nội dung về trình tự thực hiện

- Nêu rõ các căn cứ để Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có cơ sở trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân hồ sơ đóng hoặc mở cửa rừng. Bổ sung việc lấy ý kiến các cơ quan liên quan đối với việc đóng, mở cửa rừng.

- Quy định cụ thể thời gian Chủ tịch UBND cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua đề án đóng hoặc mở cửa rừng kể từ khi nhận được hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; thời gian Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua đề án đến khi UBND cấp tỉnh quyết định đóng hoặc mở cửa rừng.

- Quy định thời gian công bố quyết định đóng, mở cửa rừng sau khi Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định.

Lý do: Điểm b khoản 3 Điều 33 chỉ quy định Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND cấp tỉnh hồ sơ đóng, mở cửa rừng; tuy nhiên không quy định các bước trước đó để có thể chuẩn bị được hồ sơ theo quy định; sự phối hợp giữa các cơ quan như thế nào; đồng thời, công khai minh bạch thời gian giải quyết đối với từng giai đoạn để phân định rõ trách nhiệm cụ thể của từng cấp.

b) Mẫu hoá thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và quy định số lượng hồ sơ: Văn bản đề nghị đóng hoặc mở cửa rừng tự nhiên; Đề án đóng hoặc mở cửa rừng tự nhiên; Quyết định đóng hoặc mở cửa rừng tự nhiên.

Lý do: Công khai, minh bạch để cơ quan nhà nước dễ dàng thực hiện, đảm bảo thống nhất các thông tin kê khai trên phạm vi cả nước; tiết kiệm thời gian tìm hiểu TTHC; tránh sự tùy tiện trong việc chuẩn bị hồ sơ và giải quyết TTHC.

c) Bổ sung quy định cụ thể, đa dạng cách thức thực hiện TTHC theo các quy định hiện hành, đảm bảo phù hợp với đối tượng thực hiện và cơ quan giải quyết TTHC.

Lý do: Công khai, minh bạch; đối tượng thực hiện có thể lựa chọn hình thức phù hợp để thực hiện TTHC.

2.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 33 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

- Lộ trình thực hiện: Theo kế hoạch xây dựng văn bản hằng năm của Bộ

3. Thủ tục: Quyết định điều chỉnh ranh giới, diện tích khu bảo tồn biển cấp tỉnh

3.1. Nội dung đơn giản hóa

a) Bổ sung một số nội dung liên quan đến trình tự thực hiện, bao gồm:

- Bổ sung thời gian trình UBND cấp tỉnh thẩm định dự án kể từ khi nhận được văn bản góp ý của cơ quan, tổ chức;

- Bổ sung thời gian thành lập Hội đồng thẩm định kể từ khi UBND cấp tỉnh nhận được hồ sơ trình thẩm định;

- Bổ sung thời gian gửi xin ý kiến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kể từ khi kết thúc thẩm định; thời gian Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến.

Lý do: Cụ thể hoá, công khai, minh bạch các bước cũng như làm rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan nhà nước trong giải quyết TTHC.

b) Mẫu hoá một số thành phần hồ sơ như: Tờ trình đề nghị thẩm định; đồng thời quy định cụ thể “Tài liệu liên quan khác” là những loại tài liệu nào; quy định cụ thể đa dạng cách thức thực hiện: trực tiếp, môi trường điện tử.

Lý do: Công khai, minh bạch, thống nhất áp dụng trong phạm vi cả nước; tạo thuận lợi cho đối tượng thực hiện TTHC cũng như nâng cao trách nhiệm của từng cá nhân, cơ quan thực hiện TTHC.

3.2. Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTN ngày 04/3/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về phát triển và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- Lộ trình thực hiện: Theo kế hoạch xây dựng văn bản hằng năm của Bộ

4. Phê duyệt kế hoạch triển khai dự án phát triển ngành nghề nông thôn từ nguồn vốn ngân sách địa phương

4.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung kiến nghị:** Bổ sung quy định về số lượng thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết.

- **Lý do:** Do chưa được quy định tại Điều 12 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn. Đồng thời, việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

4.2 Kiến nghị thực thi:

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 12 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn theo hướng quy định cụ thể về thành phần, số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ.

5. Công bố dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh

5.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung kiến nghị:** Bổ sung quy định về số lượng thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết.

- **Lý do:** Do chưa được quy định tại Điều 4, 5 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật. Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết

giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

5.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 4, 5 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật theo hướng quy định cụ thể thành phần, số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ.

6. Công bố hết dịch hại thực vật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

6.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung kiến nghị:** Bổ sung quy định về số lượng thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết.

- **Lý do:** Do chưa được quy định tại Điều 6 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật. Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

6.2 Kiến nghị thực thi:

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 6 Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật. Quy định về thành phần, số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ.

7. Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra từ 02 huyện trở lên trong phạm vi tỉnh

7.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung kiến nghị:** Bổ sung quy định về thành phần, số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết.

- **Lý do:** Do chưa được quy định tại Điều 26 Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y. Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

7.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 26 Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y. Quy định về thành phần, số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ.

8. Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra từ 02 huyện trở lên trong phạm vi tỉnh

8.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung kiến nghị:** Bổ sung quy định về thời hạn giải quyết.

- **Lý do:** Do chưa được quy định tại Điều 31 Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y. Việc quy định cụ thể thời hạn giải quyết sẽ tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC cũng như nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức nhà nước trong giải quyết TTHC.

8.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 31 Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y. Quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ.

9. Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của địa phương

9.1. Nội dung đơn giản hóa

- **Nội dung kiến nghị:** Bổ sung quy định về thành phần, số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết.

- **Lý do:** Do chưa được quy định tại điểm d, khoản 4 Điều 27 Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y. Việc quy định cụ thể thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết giúp cho việc thực hiện TTHC được thống nhất, công khai, minh bạch. Tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân trong việc chuẩn bị, lập hồ sơ TTHC, theo dõi tiến độ giải quyết TTHC. Giúp cho bộ phận tiếp nhận hồ sơ, bộ phận chuyên môn xử lý hồ sơ thuận lợi trong việc kiểm soát hồ sơ, đảm bảo đầy đủ, hợp lệ, đúng quy định.

9.2. Kiến nghị thực thi:

Đề nghị sửa đổi, bổ sung điểm d, khoản 4 Điều 27 Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội về Thú y. Quy định về thành phần, số lượng hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ.

10. Phê duyệt kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng

10.1. Nội dung đơn giản hóa

- Cắt giảm thời gian thực hiện từ 20 ngày làm việc xuống còn 16 ngày làm việc tại Bước 1 trong trình tự thực hiện của thủ tục.

Lý do: Tăng cường trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với việc tổ chức triển khai, tổng hợp nhu cầu giao rừng, cho thuê rừng của địa phương; đẩy nhanh tiến độ giải quyết thủ tục hành chính nội bộ.

- Bổ sung cách thức thực hiện: Qua Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành - VNPT iOffice.

Lý do: Đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, giảm thiểu giấy tờ bản giấy trong thực hiện công vụ, tăng cường công tác quản lý nhà nước của cơ quan có thẩm quyền.

10.2. Kiến nghị thực thi

Điều chỉnh thời gian giải quyết tại Bước 1 và bổ sung cách thức thực hiện đối với thủ tục phê duyệt kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng tại Quyết định số 871/QĐUBND ngày 11/10/2024 của UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.